

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**



NGUYỄN ĐỨC QUYỀN

**YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP
VÀ ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

**CHUYÊN NGÀNH:
MÃ SỐ:**

**KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
9 62 01 15**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lê Đức Niêm

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Đắk Lắk, năm 2024

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo số liệu thống kê cho thấy, ở Việt Nam có gần 68,3% dân số sống ở khu vực nông thôn (GSO, 2022a), lực lượng lao động chủ yếu vẫn tập trung ở khu vực nông thôn chiếm 62,84% (GSO, 2022b). Thời gian qua, nông nghiệp nước ta phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, lĩnh vực nông nghiệp có nhiều đóng góp quan trọng trong tiến trình đổi mới và cải cách kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, đóng góp quan trọng vào cán cân thương mại của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm và thủy sản có xu hướng tăng và kim ngạch trung bình giai đoạn 2016-2020 đạt 38,204 tỷ USD (GSOc, 2021). Với tỷ trọng lớn nông sản được sản xuất ra từ quy mô hộ gia đình, kinh tế hộ được xem là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng phát triển nông nghiệp ở Việt Nam. Với xu hướng mở cửa, hộ gia đình không còn là hộ sản xuất tự cung, tự cấp mà theo định hướng hàng hóa. Sự hội nhập của Việt Nam sẽ khiến ngành nông nghiệp chịu nhiều tác động mạnh mẽ như vậy kinh tế hộ sẽ rất yếu bị tác động, gắn liền với các tác động này sẽ là cơ hội mới được mở ra cho các nông hộ.

Chủ trương của Đảng, Nhà nước phát triển Kinh tế - Xã hội phải đồng bộ giữa các tỉnh, vùng và miền. Những địa phương có nhiều bất lợi về đặc điểm địa hình, đặc tính canh tác, vùng, miền,... dẫn tới thiệt thòi trong các lợi thế tuyệt đối càng phải được sự quan tâm, chú trọng của Nhà nước và các chính quyền địa phương nhiều hơn. Tỉnh Đắk Lắk bao gồm Thành phố Buôn Ma Thuột, Thị xã Buôn Hồ và 13 huyện, kinh tế tỉnh Đắk Lắk năm 2022 đạt 58.182 tỷ đồng, tăng 8,48% so với năm 2021 và thu nhập bình quân đầu người đạt 38,856 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo là 10,84%. Cơ cấu kinh tế ngành nông lâm nghiệp là 37,22%, ngành công nghiệp và xây dựng là 16,20%, ngành thương mại và dịch vụ là 42,27%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm là 4,31%/năm (Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2023). Nhìn chung sản xuất nông, lâm nghiệp có bước phát triển, giữ vai trò quan trọng và chủ yếu trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị của tỉnh. Mặc dù những năm qua, tỉnh Đắk Lắk đã có nhiều biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và mức sống nông hộ, song những thành tựu mang lại còn rất chậm so với tiềm năng hiện có (Báo cáo hội nông dân tỉnh Đắk Lắk, 2023). Về phía nông hộ, rất dễ bị tổn thương bởi sự tác động của các yếu tố có tính chất quy luật của nền kinh tế thị trường và các yếu tố bất lợi khác từ biến đổi khí hậu như dịch bệnh, hạn hán, mưa lũ,... thất thu gia tăng, tình trạng tiếp cận giáo dục, đào tạo thấp, nguồn vật lực, tài lực còn nhiều khó khăn. Tất cả những điều đó sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng thu nhập và chiến lược lựa chọn đa dạng hóa thu nhập của nông hộ.

Ở các nước phát triển đa dạng hóa thu nhập nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và trở thành một hiện tượng phổ biến như một chiến lược lựa chọn sinh kế của nông hộ. Có một số nguyên nhân cho các nông hộ đa dạng hóa thu nhập như giảm thiểu rủi ro và đối phó với sự mất ổn định của nguồn thu nhập (Ellis, 1998; Ellis, 2000; Barrett *et al.*, 2001; Schwarze, 2004), thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng (Schwarze, 2004; Nghiem, 2010; Khai and Danh, 2014), đa dạng hóa hướng tới những hoạt động phi nông nghiệp (Ellis, 1998; Ellis, 2000; Barrett and Reardon, 2001; Barrett *et al.*, 2001; Lanjouw and Feder, 2001; Davis and Bezemer, 2003). Thông thường các hộ gia đình thường tìm cách phân phối lại nguồn lực sản

xuất cho nhiều hoạt động để tránh rủi ro hoặc thiệt hại liên quan đến thu nhập chính của hộ. Một số hộ ở vùng hẻo lánh, chi phí mua bán hàng hóa có thể rất cao, đa dạng hóa thu nhập là một chiến lược nhằm thỏa mãn nhu cầu hàng hóa cho gia đình cũng như cộng đồng. Ngoài ra, trong điều kiện hạn chế về thị trường hoặc nguồn lực, hộ gia đình có động cơ đa dạng hóa để đạt mức lợi tức nhằm thỏa mãn những nhu cầu cơ bản (Ellis, 1998; Ellis, 2000; Barrett *et al.*, 2001). Với những lý do trên đa dạng hóa nguồn thu nhập của nông hộ đã trở thành một chủ đề quan trọng được các nhà kinh tế phát triển và các nhà hoạch định chính sách chú ý. Ngoài ra, đối với địa bàn nghiên cứu, đa dạng hóa nguồn thu nhập có mối quan hệ với rủi ro thu nhập của nông hộ không? nếu có thì mối quan hệ đó làm tăng hay giảm thiểu rủi ro thu nhập của nông hộ? Vì vậy, cần có nghiên cứu thực nghiệm và sử dụng mô hình kinh tế lượng với bộ số liệu bảng có thời gian dài. Tác giả cho rằng tính đến thời điểm hiện tại vẫn còn khoảng trống để luận án tiếp tục nghiên cứu và trả lời các câu hỏi trên.

Nghiên cứu tổng quan cho thấy yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, đã thu hút nhiều nghiên cứu thực nghiệm ở trong và ngoài nước. Các nghiên cứu trước đây sử dụng dữ liệu chéo và có thời gian ngắn hoặc dữ liệu khảo sát tại một thời điểm với giả định quan hệ một chiều cho trước rằng “*đa dạng hóa quyết định thu nhập*” hoặc ngược lại (Yang, 2004; Illukpitiya and Yanagida, 2008; Klasena *et al.*, 2013; Khai and Danh, 2014; Ha and Trung, 2019). Đối với địa bàn tỉnh Đắk Lắk việc sử dụng bộ dữ liệu bảng có thời gian dài để xác định mối quan hệ hai chiều giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập, nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập và yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Đến thời điểm hiện tại tác giả nhận thấy vẫn còn khoảng trống và tính mới để luận án tiếp tục nghiên cứu.

Vì vậy, tìm kiếm giải pháp khoa học nhằm nâng cao thu nhập thông qua cải thiện chiến lược đa dạng hóa thu nhập có thể là một cách tiếp cận hiệu quả và phù hợp với nông hộ tỉnh Đắk Lắk. Xuất phát từ các vấn đề nêu trên, việc nghiên cứu đề tài “*Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*” có ý nghĩa rất lớn về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở nghiên cứu, xác định mối quan hệ nhân quả giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập, các yếu tố ảnh hưởng thu nhập, rủi ro thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, luận án đề xuất những khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn này.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Để làm rõ mục tiêu chung, luận án hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

- Hệ thống hoá và làm sáng tỏ cơ sở lý luận, thực tiễn, mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập, yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ;

- Phân tích mối quan hệ nhân quả giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Phân tích yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt mục tiêu nghiên cứu trên, nghiên cứu của luận án sẽ tập trung trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Về mặt cơ sở lý luận và thực tiễn, mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập, yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ xác định như thế nào ?
2. Xác định mối quan hệ giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như thế nào ?
3. Xác định yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như thế nào ?
4. Xác định những yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như thế nào ?
5. Cần thực hiện những khuyến nghị chính sách như thế nào nhằm cải thiện thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án: Mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Đối tượng khảo sát: Các nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu: Luận án nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội tỉnh Đắk Lắk, Luận án nghiên cứu và tập trung xác định mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Với các nội dung nghiên cứu trên, luận án dựa trên cơ sở đề đề xuất khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện thu nhập thông qua việc lựa chọn chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Phạm vi không gian: Thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Phạm vi thời gian: Sử dụng bộ số liệu bảng của tổ chức TVSEP (Thailand Vietnam Socio Economic Panel - TVSEP) năm 2007, 2008, 2010, 2013, 2016 và 2017.

Số liệu thứ cấp: Số liệu thứ cấp được thu thập từ năm 2016-2022.

Thời gian thực hiện luận án: Từ năm 2020 đến năm 2023.

Thời gian đề xuất khuyến nghị chính sách đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

5. Đóng góp mới của luận án

Việc nghiên cứu luận án sẽ có những đóng góp cũng như một số điểm mới sau:

i) *Về lý luận*, luận án đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn về thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Luận án cũng đã làm rõ mối quan hệ nhân quả thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ khi sử dụng dữ liệu bảng có thời gian dài.

ii) *Về phương pháp*

Thứ nhất, luận án sử dụng các phương pháp phân tích định tính và định lượng đối với dữ liệu bảng TVSEP có thời gian dài. Nghiên cứu xây dựng được quy trình phân tích mối quan hệ nhân quả thu nhập với các chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ và quy trình ước lượng lựa chọn mô hình tối ưu yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khi sử dụng dữ liệu bảng. Ngoài ra, trong lĩnh vực nông nghiệp, luận án còn áp dụng một phương pháp mới đáng chú ý để kiểm định mối quan hệ nhân quả khi sử dụng dữ liệu bảng mà các nghiên cứu trước đây đã bỏ qua. Phương pháp này đòi hỏi việc kiểm tra sự phụ thuộc chéo trong dữ liệu, cũng như kiểm tra tính dừng của các biến đối với dữ liệu bảng.

Thứ hai, luận án sử dụng dữ liệu bảng TVSEP để xác định chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở 3 cấp độ và đưa cả 3 cấp độ này vào nghiên cứu ảnh hưởng đến thu nhập và rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thứ ba, luận án xây dựng được khung phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khi sử dụng dữ liệu bảng TVSEP có thời gian dài.

iii) Về thực tiễn

Thứ nhất, luận án cho thấy chỉ số đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành cấp 4 (HID4) và chỉ số đa dạng hóa thu nhập liên ngành cấp 2 (HID2) theo hướng phi nông nghiệp làm tăng thu nhập nông hộ là (0,005%) và (0,015%). Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật (Khả năng học hỏi hay bắt chước của nông hộ) làm tăng thu nhập của nông hộ là 0,042%. Ngoài ra, các yếu tố khác cũng làm tăng/giảm thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thứ hai, luận án còn cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ giữa đa dạng hóa thu nhập với rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Nghiên cứu còn cho thấy nông hộ đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành cấp 4 (HID4) và chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập liên ngành cấp 2 (HID2) theo hướng phi nông nghiệp làm giảm thiểu rủi ro thu nhập của nông hộ là (0,0436%) và (0,0558%).

Thứ ba, luận án cho thấy các yếu tố thuộc các nhóm (Vốn con người, vốn tài chính, vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn xã hội) tác động đến chiến lược lựa chọn đa dạng hóa thu nhập trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thứ tư, luận án cung cấp thêm dẫn liệu, thông tin khoa học về mối quan hệ, các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được xác định cụ thể bằng các mô hình kinh tế lượng thông qua bộ dữ liệu bảng có thời gian dài. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cũng đề xuất được các khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện thu nhập của nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Kết cấu luận án

Luận án ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, luận án gồm 5 chương cụ thể cấu trúc các chương như sau:

Chương 1: Tổng quan tài liệu nghiên cứu.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 4: Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 5: Khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại nông hộ

1.1.2. Khái niệm thu nhập và phân loại thu nhập nông hộ

1.1.3. Lý thuyết về rủi ro thu nhập nông hộ

1.1.4. Đa dạng hóa thu nhập của nông hộ

1.1.5. Mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ

1.1.6. Yếu tố ảnh hưởng thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Kinh nghiệm nâng cao thu nhập nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập nông hộ của các nước trên thế giới

1.2.2. Kinh nghiệm nâng cao thu nhập nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập nông hộ tại Việt Nam

1.2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra từ nghiên cứu thực tiễn trong và ngoài nước

Từ kinh nghiệm một số nước trên thế giới và một số tỉnh thành ở trong nước liên quan đến nâng cao thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, luận án rút ra một số bài học kinh nghiệm cho địa bàn nghiên cứu như sau:

- *Thứ nhất*, cần đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống.

- *Thứ hai*, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp, cũng như phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội cho nông thôn.

- *Thứ ba*, đa dạng hóa sản xuất là một chiến lược quan trọng để giảm thiểu rủi ro và tăng thu nhập của nông hộ.

- *Thứ tư*, thay đổi tư duy canh tác truyền thống sang canh tác tập trung ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, từ khâu giống đến phân bón cũng như khâu sản xuất khâu tiêu thụ.

- *Thứ năm*, cần tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm một cách hiệu quả.

- *Thứ sáu*, xây dựng các chuỗi giá trị, các ngành hàng chủ lực để làm sao chế biến sâu, tránh tình trạng “được mùa mất giá, được giá mất mùa”.

- *Thứ bảy*, xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù thu hút về nông nghiệp để có các doanh nghiệp uy tín làm trụ đỡ trong việc hỗ trợ cho hợp tác xã và nông dân.

1.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ

1.3.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đa dạng hóa thu nhập nông hộ

1.3.3. Tổng quan mối quan hệ đa dạng hóa thu nhập và thu nhập của nông hộ

1.4. Đánh giá chung tổng quan tài liệu nghiên cứu

1.4.1. Những vấn đề các công trình nghiên cứu trước còn bỏ ngỏ

Các nghiên cứu cho thấy, chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập được sử dụng một cách linh hoạt, tùy vào cách tiếp cận của các nhà nghiên cứu và sử dụng chỉ số đa dạng hóa thu nhập ví dụ, Gebreyesus (2016) đã sử dụng chỉ số Entropy tổng hợp (Composite Entropy Index - CEI) một thước đo dựa trên nguồn thu nhập hộ gia đình. Reardon (1997), Davis (2003) và Khai and Danh (2014) đo lường đa dạng hóa thu nhập thông qua tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trong tổng thu nhập của nông hộ. Schwarze and Zeller (2005) đo lường đa dạng hóa thu nhập bằng cách sử dụng chỉ số chỉ số cân bằng Shannon nó có nguồn gốc từ chỉ số Shannon (H), thường được sử dụng để đánh giá sự đa dạng của các

loài. Trong nghiên cứu của (Joshi *et al.*, 2004; Minot *et al.*, 2006) chỉ số đa dạng thu nhập được ký hiệu (Simpsons Index of Diversity - SID). Ngoài ra, trong nghiên cứu của (Khai and Danh, 2014) sử dụng chỉ số Herfindahl (Còn gọi là chỉ số Herfindahl - Hirschman - HHI) làm thước đo đa dạng hóa thu nhập. Các nghiên cứu sử dụng chỉ số nghịch đảo của chỉ số Herfindahl (Household's Income Diversification - HID) (Ellis, 2000; Ersado, 2003; Schwarze and Zeller, 2005; Yisihake and Anupama, 2018). Đối với nghiên cứu này việc đưa 3 chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập vào nghiên cứu gồm chỉ số đa dạng hóa trong nội ngành trồng trọt hoặc chăn nuôi, chỉ số đo lường đa dạng hóa nội ngành nông nghiệp và chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập thông qua các hoạt động liên ngành phi nông nghiệp. Tác giả cho rằng đây là điểm mới của nghiên cứu khi đưa cả 3 chỉ số này ảnh hưởng đến thu nhập và rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.

Nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, đã thu hút rất nhiều nghiên cứu thực nghiệm ở trong và ngoài nước. Các nghiên cứu trước đây sử dụng dữ liệu chéo và có thời gian ngắn hoặc dữ liệu khảo sát tại một thời điểm với giả định quan hệ một chiều cho trước rằng “*đa dạng hóa quyết định thu nhập*” hoặc ngược lại (Yishak *et al.*, 2014; Adem and Tesafa, 2020; Getahun *et al.*, 2023; Andualem and Umer, 2023). Trong nghiên cứu này, luận án kiểm định mối quan hệ hai chiều của các biến số này. Đến thời điểm hiện tại tác giả nhận thấy chưa có nghiên cứu nào kiểm tra về mối quan hệ nhân quả của 2 chỉ số này thông qua dữ liệu bảng có thời gian dài. Vì vậy, việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ khi sử dụng bộ dữ liệu bảng có thời gian dài vẫn còn là một khoảng trống để luận án tiếp tục nghiên cứu.

Đối với vấn đề xác định yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ, các nghiên cứu đã sử dụng mô hình kinh tế lượng để xác định yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ. Về số liệu sử dụng trong nghiên cứu chủ yếu là số liệu chéo có thời gian ngắn, sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và kiểm định thống kê để phân tích ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ (Yang, 2004; Illukpitiya and Yanagida, 2008; Klasena *et al.*, 2013; Khai and Danh, 2014; Ha and Trung, 2019). Đối với địa bàn tỉnh Đắk Lắk việc sử dụng bộ dữ liệu bảng để phân tích nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn, tính đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có nghiên cứu thực nghiệm về vấn đề này. Ngoài ra, đa dạng hóa thu nhập có phải là yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và làm tăng/giảm thu nhập vẫn là khoảng trống của nghiên cứu trên địa bàn này.

Vấn đề tác động của rủi ro (Thiên tai, dịch bệnh) đến hoạt động sản xuất của nông hộ và các giải pháp để giảm thiểu rủi ro đó cũng được các nghiên cứu trước đây đề cập đến (Lữ Bá Văn, 2015, Hạ Thị Kiều Dao và Nguyễn Thị Mai, 2016; Nguyễn Ngọc Thắng, 2017, Nguyễn Thị Mai, 2019, Nguyễn Thị Mai, 2020). Một số nghiên cứu cũng có những nhận định đa dạng hóa nguồn thu để giảm thiểu rủi ro (Ellis, 2000; Barrett *et al.*, 2001). Đa dạng hóa để đối phó với sự mất ổn định của các nguồn thu nhập (Barrett *et al.*, 2001; Block and Webb, 2001; Joshi *et al.*, 2004) hay động lực đa dạng hóa thu nhập của nông dân ở Châu Phi là giảm rủi ro (Delgado and Ammar, 1997). *Tuy nhiên*, nghiên cứu thực nghiệm và sử dụng mô hình kinh tế lượng để xác định đa dạng hóa thu nhập có mối quan hệ với rủi ro thu nhập của nông hộ, đến thời điểm hiện tại tác giả cho rằng vẫn còn khoảng trống để nghiên cứu.

Ngoài ra, các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ cũng được nghiên cứu đề cập đến (Minot *et al.*, 2006; Schwarze and Zeller, 2005; Khai and Danh, 2014, Agyeman *et al.*, 2014, Chuong *et al.*, 2015, Diep and Vien, 2017, Anabo, 2021, Arowolo *et*

al., 2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập có thể thay đổi từ địa phương này sang địa phương khác, theo thời gian và giữa các cá nhân hoặc cộng đồng với cộng đồng (Gebrehiwot and Fekadu, 2012). Đối với địa bàn tỉnh Đắk Lắk việc sử dụng bộ dữ liệu bảng để phân tích nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh, tính đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có nghiên cứu thực nghiệm nghiên cứu về vấn đề này. Vì vậy, có một khoảng trống về kiến thức trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu.

1.4.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận về nông hộ, thu nhập nông hộ, rủi ro thu nhập của nông hộ, mối quan hệ thu nhập với đa dạng hóa thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập nông hộ.

Nghiên cứu tiếp tục sử dụng phương pháp mới (Lopez and Weber, 2017) đã phát triển, để kiểm định mối quan hệ nhân quả trong dữ liệu bảng và ứng dụng phương pháp này trong việc phân tích mối quan hệ nhân quả giữa thu nhập và các chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Điều này sẽ cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ nhân quả của đa dạng hóa thu nhập với thu nhập của nông hộ đối với bộ số liệu bảng có thời gian dài.

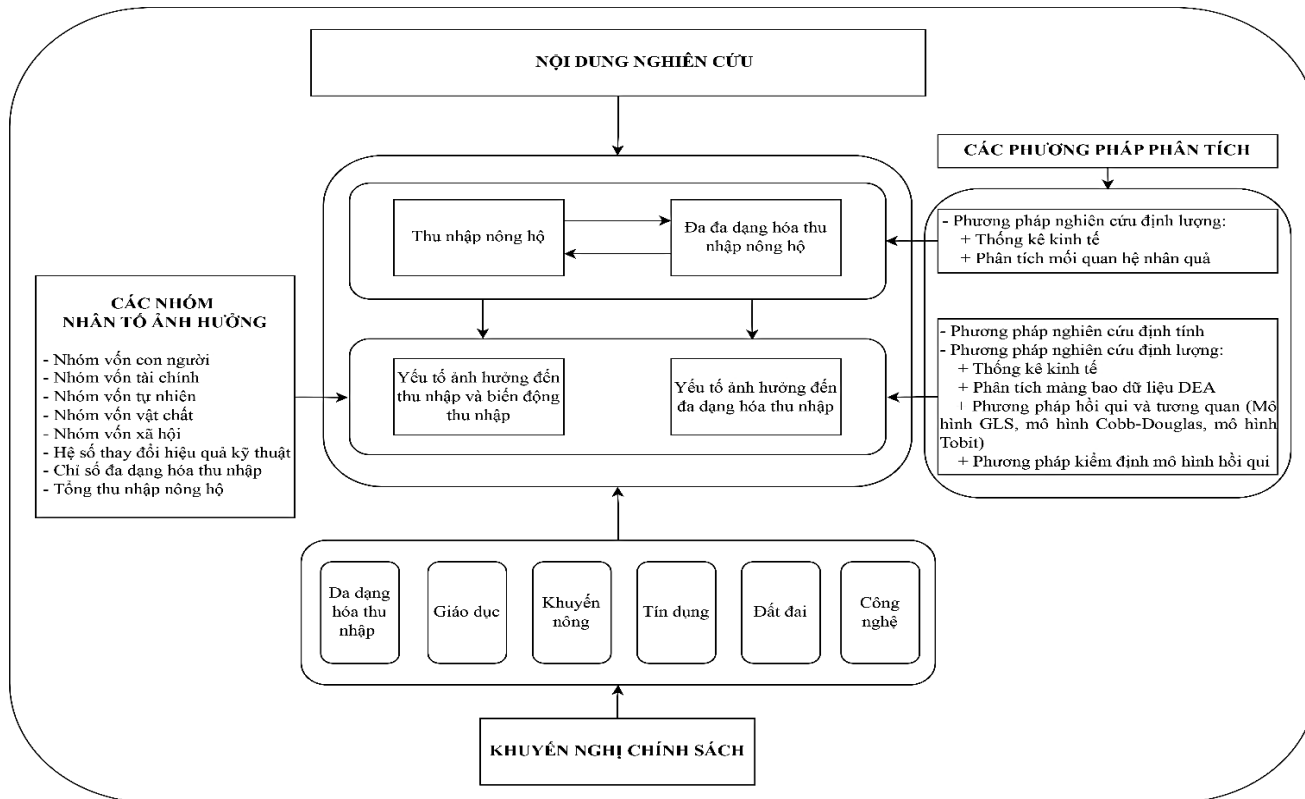
Nghiên cứu tiếp tục sử dụng dữ liệu bảng, xây dựng và phát triển mô hình kinh tế lượng để tìm hiểu sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tiếp tục nghiên cứu ảnh hưởng của các chỉ số đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Bằng cách tiếp tục nghiên cứu với những hướng đi trên, nghiên cứu tiếp tục đưa ra gợi ý chính sách hỗ trợ nông hộ nhằm nâng cao thu nhập và giảm thiểu rủi ro thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập phù hợp với địa bàn nghiên cứu.

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khung phân tích



Sơ đồ 2.1. Khung phân tích

Nguồn: Mô tả của tác giả.

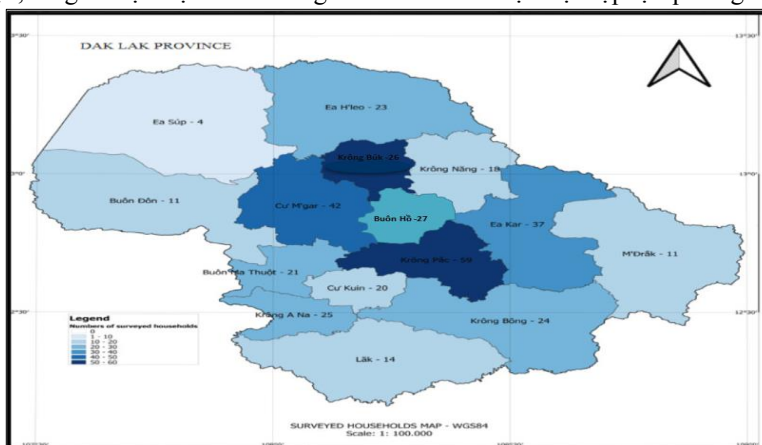
2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu cho nghiên cứu này được lấy từ dữ liệu bảng của Dự án Kinh tế - Xã hội Thái Lan và Việt Nam (TVSEP), một dự án nghiên cứu quốc tế do Quỹ Khoa học Đức (Deutsche Forschungsgemeinschaft - DFG) tài trợ (<https://www.tvsep.de/en/project/>). TVSEP chứa dữ liệu xuyên quốc gia và thông tin về tình trạng Kinh tế - Xã hội của gần 4.400 hộ gia đình nông thôn tại 6 tỉnh của Việt Nam và Thái Lan từ năm 2007 đến năm 2017 (Dữ liệu giai đoạn đầu). Tại Việt Nam dữ liệu TVSEP bao gồm khoảng 2.200 hộ gia đình từ 220 thôn ở ba tỉnh của Việt Nam là Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế và Đắk Lắk (Hình 2.2).

Luận án đã sử dụng giai đoạn đầu của dữ liệu tỉnh Đắk Lắk cho nghiên cứu này. Vì một số lý do sau: (i) Nông nghiệp là ngành kinh tế chính của tỉnh, chiếm 37,22% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh tỉnh Đắk Lắk, nguồn thu nhập chính của nông dân là từ sản xuất nông nghiệp; (ii) Cây trồng chính của hộ gia đình (Cà phê, hồ tiêu, điều, bơ, cao su, lúa, ngô) và vật nuôi chính (Trâu, bò, lợn, dê, gia cầm) (iii) Dân số bao gồm người kinh, dân tộc bản địa và di cư từ phía Bắc vào (Dân tộc thiểu số chiếm 32,79% dân số của tỉnh) (Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2023).

Vị trí và số hộ của dữ liệu TVSEP tỉnh Đắk Lắk (Hình 2.3) nghiên cứu sử dụng dữ liệu được trình bày chi tiết trong Bảng 2.5. Sáu đợt điều tra trong 6 năm khác nhau từ 2007-2017 đã thu thập thông tin chi tiết về các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp, tình trạng nhân khẩu, tài sản, đất đai và các đặc điểm Kinh tế - Xã hội khác của hộ gia đình, cá nhân. Dữ liệu trong mỗi cuộc khảo sát có thể so sánh được vì TVSEP đã sử dụng bảng câu hỏi phù hợp trong mỗi năm lấy mẫu. Sau khi loại bỏ các gia đình phi nông nghiệp và cân đối số liệu, tổng số hộ được đưa vào nghiên cứu là 362 hộ được lập lại qua 6 giai đoạn.



Hình 2.3. Các địa điểm hộ gia đình được khảo sát trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nguồn: Bản vẽ của tác giả.

Bảng 2.5. Phân bố số nông hộ điều tra tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Địa điểm	Số nông hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
TP. Buôn Ma Thuột	21	5,80
TX. Buôn Hồ	27	7,46
Huyện Buôn Đôn	11	3,04
Huyện Cư M'gar	42	11,60
Huyện Ea Hlêo	23	6,35
Huyện Ea Kar	37	10,22
Huyện Ea Sup	4	1,10
Huyện Krông ANa	25	6,91
Huyện Cukuiin	20	5,52
Huyện Krông Bông	24	6,63
Huyện Krông Buk	26	7,18
Huyện Krông Năng	18	4,97
Huyện Krông Pắc	59	16,30
Huyện Lắk	14	3,87
Huyện M'Drak	11	3,04
Tổng số nông hộ	362	100

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

2.2.2. Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu

Đối với thông tin và số liệu thứ cấp sau khi thu thập được xử lý để loại bỏ những tài liệu kém tin cậy, tính toán lại các số liệu cần thiết để phục vụ quá trình nghiên cứu.

Đối với bộ số liệu thứ cấp TVSEP sau khi đã “*làm sạch*”, được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm xử lý số liệu Stata/MP 14.0. Tuy nhiên, đối với chương 3 để kiểm tra mối quan hệ nhân quả, nghiên cứu được phát triển bởi Lopez and Weber (2017), để dữ liệu liên tục và không bị gián đoạn tác giả sử dụng phương pháp toán học để nội suy dữ liệu để được dữ liệu liên tục từ năm 2007 đến năm 2017.

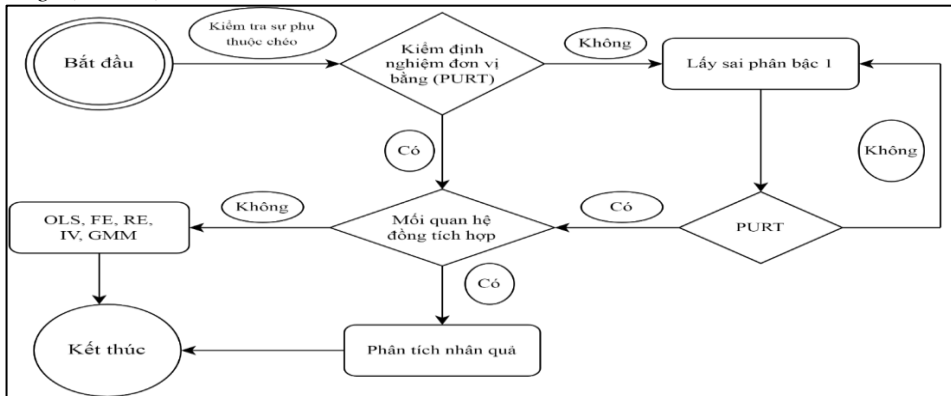
2.2.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

2.2.3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính

- a. Phương pháp chuyên gia
- b. Phương pháp quan sát địa bàn nghiên cứu

2.2.3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

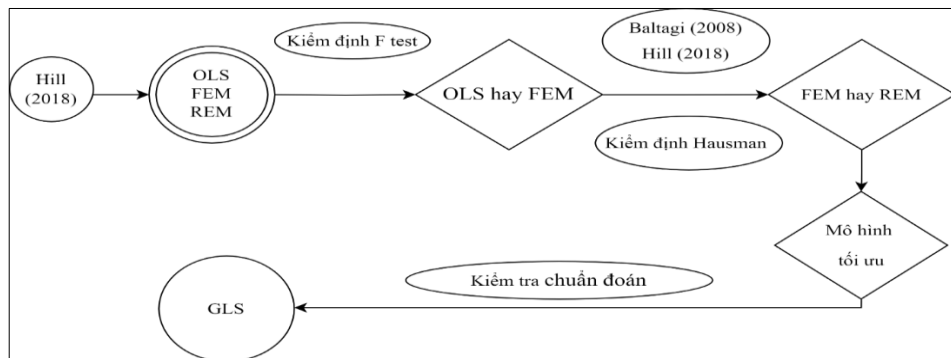
- a. Phương pháp thống kê kinh tế
- b. Phương pháp phân tích màng bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Analysis - DEA)
- c. Mô hình và phương pháp phân tích mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



Sơ đồ 2.2. Quy trình phân tích mối quan hệ nhân quả thu nhập với đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nguồn: Tổng hợp của tác giả và tham khảo Giáo trình Kinh tế lượng Nguyễn Quang Đông và Nguyễn Thị Minh (2012), Dong et al. (2018), Võ Hồng Đức và Nguyễn Công Thắng (2021).

d. Mô hình và phương pháp phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



Hình 2.4. Quy trình ước lượng và lựa chọn mô hình tối ưu yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nguồn: Tổng hợp của tác giả và tham khảo Hausman test (1978), Arellano and Bond (1991), Baltagi (2008), Hill (2018)

- Chỉ số đa dạng hóa thu nhập (HID):

$$HID_{it} = \frac{1}{\sum_{i=1}^n P_{it}^2} \quad (8)$$

$$\sum_{i=1}^n P_{it}^2 = \left(\frac{HI_{1t}}{HI_{Tt}}\right)^2 + \left(\frac{HI_{2t}}{HI_{Tt}}\right)^2 + \dots + \left(\frac{HI_{nt}}{HI_{Tt}}\right)^2 \quad (9)$$

Bảng 2.6. Chỉ số đa dạng hóa thu nhập, thông số kỹ thuật cấp số SIC

HID	Các mức độ của (Standard Industrial Classification- SIC)	Đại diện
HID4	Nghiên cứu đã phân loại các nông hộ thành một nhóm dựa trên cây trồng và một nhóm dựa trên chăn nuôi (Cả hai cấp độ 4 chữ số). Thu nhập đối với nông hộ trồng trọt: Thu nhập từ 6 phân ngành, bao gồm cà phê, hồ tiêu, cây lâu năm khác, lúa, ngô và các cây hàng năm khác. Thu nhập của nông hộ dựa vào chăn nuôi: Thu nhập từ 4 phân ngành, bao gồm gia súc (Trâu, bò), vật nuôi nhỏ (Lợn, dê), gia cầm (Gà, vịt) và các động vật khác.	Đa dạng thu nhập theo lĩnh vực cấp 4 theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg (Đa dạng thu nhập trong nội ngành trồng trọt hoặc chăn nuôi).
HID3	Thu nhập từ 3 ngành (Mức 3 chữ số): Trồng trọt, chăn nuôi và các hoạt động khác (Đánh bắt, săn bắn, thu hái, đốn gỗ và các sản phẩm từ gỗ).	Đa dạng thu nhập giữa các ngành theo lĩnh vực cấp 3 theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg (Đa dạng thu nhập trong nội ngành nông nghiệp, giữa ngành trồng trọt và chăn nuôi).
HID2	Thu nhập từ năm nhóm chính (Mức 2 chữ số): Nông nghiệp, kiều hối, việc làm phi nông nghiệp, tự kinh doanh phi nông nghiệp, tài sản vốn và tài sản chuyển nhượng.	Đa dạng thu nhập theo khu vực hoạt động theo lĩnh vực cấp 2 theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg (Nông nghiệp, phi nông nghiệp).

Nguồn: Phân tích của tác giả.

- Mô hình nghiên cứu đề xuất:

$$\text{Ln}Y_{it} = a_i + \text{Ln} \sum_{i=1}^n a_{it}X_{it} + \sum_{j=1}^m a_{jt}D_{jt} + u_{it} \quad (10)$$

Trong đó: Y là biến phụ thuộc (Tổng thu nhập của hộ), X_{it} là biến độc lập (Các nhân tố định lượng ảnh hưởng đến thu nhập), D_{jt} là các biến định tính, a_i là hệ số tự do, a_{it} và a_{jt} hệ số của biến X_{it} và D_{jt} , u_{it} là sai số ngẫu nhiên.

Bảng 2.7. Tóm tắt các biến được sử dụng trong mô hình ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Dấu kì vọng	Giải thích
Biến phụ thuộc					
1	Tổng thu nhập của nông hộ	Ln_Inc			Tổng thu nhập của nông hộ (triệu đồng/hộ/năm)
Biến độc lập					
1	Giới tính	Gender	Démurger <i>et al.</i> (2010), Ha and Trung (2019)	+/-	1: chủ hộ là nam 0: chủ hộ là nữ
2	Dân tộc	Ethnic	Schwarze (2004), Khai and Danh (2014)	+/-	1: chủ hộ dân tộc kinh 0: dân tộc thiểu số khác

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Dấu kì vọng	Giải thích
3	Tôn giáo	Religion	Bettendorf and Dijkgraaf (2011)	+/-	1: có theo tôn giáo 0: không theo tôn giáo
4	Trình độ học vấn chủ hộ	Edu	Shrestha and Eiumnoh (2000), Yang (2004), Klasen <i>et al.</i> (2013), Khai and Danh (2014), Ha and Trung (2019)	+	Trình độ học vấn chủ hộ: 1: tiểu học 2: trung học cơ sở 3: trung học phổ thông 4: trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ
5	Quy mô nông hộ	Ln_Hhsize	Klasen <i>et al.</i> (2013), Ha and Trung (2019)	+/-	Quy mô nông hộ (người)
6	Lao động nông nghiệp	Labor1	Schwarze (2004), Khai and Danh (2014)	+	Số lao động nông nghiệp của hộ (người)
7	Lao động làm thuê nông nghiệp, phi nông nghiệp	Labor2	Schwarze (2004), Yang (2004), Khai and Danh (2014)	+	Số lao động làm thuê nông nghiệp, phi nông nghiệp (người)
8	Lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp	Labor3	Schwarze (2004), Yang (2004), Khai and Danh (2014)	+	Số lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp (người)
9	Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	Ln_Exp	Yang (2004), Démurger <i>et al.</i> (2010), Ha and Trung (2019)	+	Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ (năm)
10	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	Ln_Land	Schwarze (2004), Yang (2004), Babatunde and Qaim (2009), Ha and Trung (2019)	+	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp (ha)
11	Quy mô vốn vay	Ln_Loans	Schwarze (2004)	+/-	Tổng số tiền vay từ các tổ chức tín dụng chính thức (triệu đồng/hộ/năm)
12	Giá trị tài sản	Ln_Assets	Schwarze (2004), Klasen <i>et al.</i> (2013), Ha and Trung (2019), Khai and Danh (2014)	+/-	Tổng giá trị tài sản (triệu đồng/hộ/năm)
13	Tiếp cận công nghệ	Internet	Khai and Danh (2014)	+	1: truy cập internet 0: không truy cập internet
14	Tổ chức đoàn thể	Org	Yang (2004), Démurger <i>et al.</i> (2010)	+	1: thành viên của tổ chức đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ,...) 0: không là thành viên của một tổ chức đoàn thể
15	Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật	Effch	Coelli <i>et al.</i> (1998), Hoi <i>et al.</i> (2022)	+	Đo lường khả năng học hỏi hay bắt chước của DMU so với DMU nằm trên đường biên, vì vậy chúng tôi sử dụng Effch đo lường khả năng bắt chước của nông hộ
16	HID4	HID4	Minot <i>et al.</i> (2006), Joshi <i>et al.</i> (2004), Illukpitiya and	+/-	Giải thích trong bảng 2.6

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Dấu kì vọng	Giải thích
			Yanagida (2008), Babatunde and Qaim (2009), Khai and Danh (2014)		
17	HID3	HID3	Minot <i>et al.</i> (2006), Joshi <i>et al.</i> (2004), Illukpitiya and Yanagida (2008), Babatunde and Qaim (2009), Khai and Danh (2014)	+/-	Giải thích trong bảng 2.6
18	HID2	HID2	Minot <i>et al.</i> (2006), Joshi <i>et al.</i> (2004), Illukpitiya and Yanagida (2008), Babatunde and Qaim (2009), Khai and Danh (2014)	+/-	Giải thích trong bảng 2.6

Nguồn: Phân tích của tác giả.

e. Mô hình và phương pháp phân tích đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Để xác định đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng như thế nào đến sự biến động về thu nhập của nông hộ (rủi ro thu nhập của nông hộ), trước tiên phải xác định rủi ro thu nhập của nông hộ, sau đó xác định mức độ ảnh hưởng của đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu nhập của nông hộ, cụ thể quy trình nghiên cứu như sau:

Bước 1: Xác định lại mô hình ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Mô hình này không bao gồm các chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập của nông hộ). Để xác định mô hình ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ, nghiên cứu sử dụng mô hình sản xuất Cobb-Douglas.

$$Y_{it} = A_{it} \cdot \sum_{i=1}^n X_{it}^{b_{it}} \cdot e^{\sum a_{it} \cdot D_{it}}$$

Trong đó: Y là biến phụ thuộc thể hiện tổng thu nhập của của hộ; A là hệ số hồi qui của mô hình; b_{it} là hệ số co giãn của biến phụ thuộc đối với các biến độc lập, các hệ số này được ước lượng bằng phương pháp hồi qui; a_{it} là các tham số của biến định tính; D_{it} là các biến định tính. Từ mô hình sản xuất Cobb-Douglas, lấy logarith hai vế để chạy hồi qui, các biến được định nghĩa cụ thể trong (Phụ lục 2.6).

Bước 2: Xác định rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Để xác định rủi ro thu nhập, dựa vào kết quả hồi qui từ mô hình sản xuất Cobb-Douglas trong bước 1, nghiên cứu sẽ lấy biến động phần dư trong mô hình hồi qui sau đó mũ hai hệ số biến động. Như vậy biến động giữa giá trị thực tế với giá trị kỳ vọng tính được chính là rủi ro thu nhập của nông hộ.

Bước 3: Xác định phương pháp nghiên cứu ảnh hưởng đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi đã xác định được rủi ro thu nhập trong bước 2, nghiên cứu đề xuất 2 phương pháp nghiên cứu ảnh hưởng, *thứ nhất*, ảnh hưởng của đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu

nhập của nông hộ thông qua biểu đồ, *thứ hai*, ảnh hưởng của đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu nhập của nông hộ thông qua mô hình hồi qui đa biến có dạng như sau:

$$r_{it}^2 = a_0 + \sum_{i=1}^n a_{it}HID_{it} + u_{it}$$

Trong đó: r_{it}^2 là biến phụ thuộc thể hiện rủi ro thu nhập của nông hộ, HID_{it} là các chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, a_0 là hệ số tự do, a_{it} hệ số của biến HID_{it} , u_{it} là sai số ngẫu nhiên, các biến được định nghĩa cụ thể trong (Phụ lục 2.7).

f. Mô hình và phương pháp phân tích yếu tố đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Dựa vào mô hình lý thuyết về kinh tế học nông nghiệp, lý thuyết về khung sinh kế bền vững của DFID (1999), phương pháp tổng hợp ý kiến chuyên gia, các nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước, dữ liệu bảng TVSEP qua các giai đoạn và nghiên cứu thực địa của tác giả. Các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ được đưa vào phân tích trong nghiên cứu này bao gồm: Giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, quy mô hộ, lao động nông nghiệp, lao động làm thuê nông nghiệp - phi nông nghiệp, lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, quy mô vốn vay ngân hàng chính thức, giá trị tài sản, tiếp cận công nghệ, tổ chức đoàn thể, hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật, tổng thu nhập nông nghiệp của nông hộ. Áp dụng mô hình Tobit Greene (2002) hai giới hạn để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến HID của nông hộ. Tuy nhiên, chỉ số HID không thể nhỏ hơn 0 hoặc lớn hơn 1, nên trong chương 4 nghiên cứu sử dụng chỉ số SID để đo lường chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ (Rao, 1982; Sen, 2005; Joshi *et al.*, 2004; Minot *et al.*, 2006). Như vậy chỉ số SID được xác định lại như sau:

$$SID_{it} = 1 - \frac{1}{HID_{it}} \quad (11)$$

Với chỉ số HID_{it} đã được xác định trong bảng 2.6, chỉ số SID_{it} dao động từ 0 đến 1, SID_{it} càng tiến đến gần 1 thì mức độ đa dạng hóa càng cao. Mô hình hồi qui Tobit hai giới hạn được dùng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến SID_{it} của nông hộ. Để đơn giản hóa, các chỉ số cho hộ thứ i và SID_{it} thứ j của mỗi hộ trong mẫu không được đưa vào phương trình.

$$SID_{it}^* = \alpha_0 + \sum_{i=1}^n \alpha_{it}X_{it} + \sum_{j=1}^m \alpha_{jt}D_{jt} + u_{it} \quad (12)$$

$$SID_{it} = \begin{cases} 0 & \text{nếu } SID_{it}^* \leq 0 \\ 1 & \text{nếu } SID_{it}^* \geq 1 \\ SID_{it}^* & \text{nếu } 0 < SID_{it}^* < 1 \end{cases}$$

Trong đó SID_{it} chỉ số đa dạng hóa thu nhập, X_{it} là các biến độc lập có quan hệ đến sự phân bổ thời gian, D_{jt} là các biến định tính, α_0 là hệ số tự do, α_{it} và α_{jt} hệ số của biến X_{it} và D_{jt} , u_{it} là sai số ngẫu nhiên. SID_{it}^* tương ứng với giá trị SID_{it} kỳ vọng và SID_{it} là giá trị quan sát được. Mối quan hệ giữa biến tiềm ẩn và biến quan sát được và u_{it} là một phần sai số được giả định là tuân theo một phân phối chuẩn. Các biến được diễn giải qua bảng 2.8.

Bảng 2.8. Tóm tắt các biến được sử dụng trong mô hình ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Đầu ki vọng	Giải thích
	Biến phụ thuộc				

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Đấu kì vọng	Giải thích
1	SID4		Chi số đa dạng hóa thu nhập tính theo SID4		
2	SID3		Chi số đa dạng hóa thu nhập tính theo SID3		
3	SID2		Chi số đa dạng hóa thu nhập tính theo SID2		
Biến độc lập					
1	Giới tính	Gender	Chuong <i>et al.</i> (2015), Diep and Vien (2017)	+/-	1: chủ hộ là nam 0: chủ hộ là nữ
2	Dân tộc	Ethnic	Minot <i>et al.</i> (2006), Nghiem (2010), Khai and Danh (2014), Chuong <i>et al.</i> (2015), Schwarze and Zeller (2005), Diep and Vien (2017)	+/-	1: chủ hộ dân tộc kinh 0: dân tộc thiểu số khác
3	Tôn giáo	Religion	Bettendorf và Dijkgraaf (2011), Diệp Thanh Tùng và cs. (2017)	+/-	1: có theo tôn giáo 0: không theo tôn giáo
4	Trình độ học vấn chủ hộ	Edu	Minot <i>et al.</i> (2006), Khai and Danh (2014), Chuong <i>et al.</i> (2015), Schwarze and Zeller (2005), Anabo (2021)	+	Trình độ học vấn chủ hộ: 1: tiểu học 2: trung học cơ sở 3: trung học phổ thông 4: trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ
5	Quy mô nông hộ	Ln_Hhsize	Minot <i>et al.</i> (2006), Nghiem (2010), Anabo (2021)	+/-	Quy mô nông hộ (người)
6	Lao động nông nghiệp	Labor1	Khai and Danh (2014), Chuong <i>et al.</i> (2015)	+/-	Số lao động nông nghiệp của hộ (người)
7	Lao động làm thuê nông nghiệp, phi nông nghiệp	Labor2	Yang (2004), Schwarze and Zeller (2005), Khai and Danh (2014), Klasen <i>et al.</i> (2013) Chuong <i>et al.</i> (2015)	+/-	Số lao động làm thuê nông nghiệp, phi nông nghiệp (người)
8	Lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp	Labor3	Schwarze and Zeller (2005), Yang (2004), Khai and Danh (2014), Klasen <i>et al.</i> (2013), Chuong <i>et al.</i> (2015)	+/-	Số lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp (người)
9	Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	Ln_Exp	Démurger <i>et al.</i> (2010)	+	Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ (năm)
10	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	Ln_Land	Khai and Danh (2014), Schwarze và Zeller (2005), Nghiem (2010)	+	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp (ha)
11	Quy mô vốn vay	Ln_Loans	Minot <i>et al.</i> (2006), Khai and Danh (2014), Schwarze và Zeller (2005), Diep and Vien (2017), Anabo (2021)	+/-	Tổng số tiền vay từ các tổ chức tín dụng chính thức (triệu đồng/hộ/năm)
12	Giá trị tài sản	Ln_Assets	Chuong <i>et al.</i> (2015)	+/-	Tổng giá trị tài sản (triệu đồng/hộ/năm)
13	Tiếp cận công nghệ	Internet	Khai and Danh (2014), Anabo (2021)	+	1: truy cập internet 0: không truy cập internet
14	Tổ chức đoàn thể	Org	Démurger <i>et al.</i> (2010)	+	1: thành viên của tổ chức đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ,...) 0: không là thành viên của một tổ chức đoàn thể
15	Hệ số thay đổi hiệu quả	Effch	Coelli <i>et al.</i> (1998), Hoi <i>et al.</i> (2022)	+	Đo lường hệ số thay đổi hiệu quả thu được từ mô hình DEA
16	Tổng thu nhập từ nông nghiệp	Ln_TTNN	Yisihake and Anupama (2018), Getahun <i>et al.</i> (2023)	+/-	Tổng thu nhập nông nghiệp của nông hộ (triệu đồng/hộ/năm)

Nguồn: Phân tích của tác giả.

CHƯƠNG 3. THU NHẬP VÀ ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội tỉnh Đắk Lắk

3.1.1. Điều kiện tự nhiên

3.1.2. Điều kiện về xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

3.1.3. Thực trạng phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

3.1.4. Thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đắk Lắk

3.1.5. Thực trạng các khu, cụm công nghiệp

3.1.6. Đánh giá chung

3.2. Thực trạng thu nhập và đa dạng thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

3.2.1. Một số đặc điểm nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Bảng 3.5. Một số đặc điểm nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

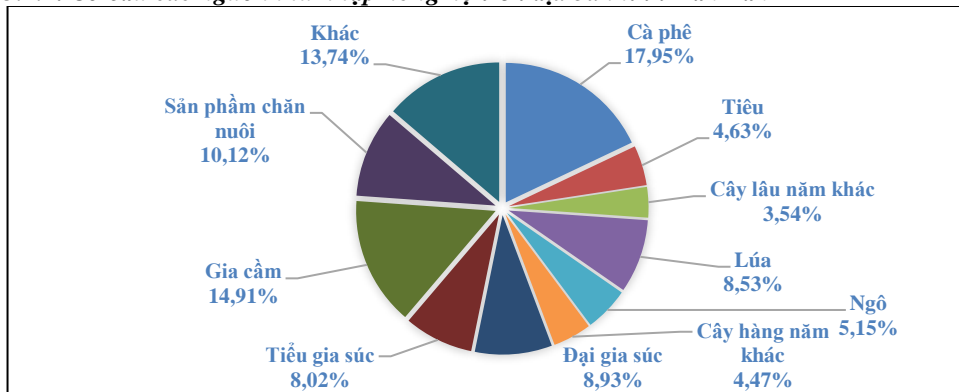
Tên biến	Loại/Đơn vị tính	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Tổng thu nhập của nông hộ	Liên tục/triệu đồng/hộ/năm	147,623	152,198	11,180	2.665,37
Giới tính	Biến giả	0,870	0,336	0	1
Dân tộc	Biến giả	0,636	0,481	0	1
Tôn giáo	Biến giả	0,245	0,430	0	1
Trình độ học vấn chủ hộ	Rời rạc/cấp học: 1-4	1,945	0,830	1	4
Quy mô nông hộ	Rời rạc/người	5,239	1,770	1	15
Lao động nông nghiệp	Rời rạc/người	2,391	1,355	0	9
Lao động làm thuê NN - PNN	Rời rạc/người	1,049	1,141	0	7
Lao động tự kinh doanh PNN	Rời rạc/người	0,235	0,514	0	4
Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	Rời rạc/năm	34,713	10,987	3	73
Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	Ha/hộ	1,852	1,543	0,04	30,57
Quy mô vốn vay	Triệu đồng/hộ/năm	28,676	96,490	0	2.600
Giá trị tài sản	Triệu đồng/hộ/năm	86,078	135,921	0,513	1.415,80
Tiếp cận công nghệ	Biến giả	0,806	0,395	0	1
Tổ chức đoàn thể	Biến giả	0,579	0,494	0	1
Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật	Liên tục	1,034	0,3797	0,295	5,589
HID4	Liên tục	2,044	0,918	1	5,593
HID3	Liên tục	1,446	0,399	1	2,905
HID2	Liên tục	1,515	0,535	1	3,987

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

Qua bảng 3.5 cho thấy, thu nhập trung bình của nông hộ 147,623 (triệu đồng/hộ/năm), thu nhập thấp nhất là 11,180 (triệu đồng/hộ/năm) và cao nhất là 2.665,37 (triệu đồng/hộ/năm). Trình độ học vấn tính theo cấp học trung bình là 1,945. Quy mô hộ trung bình 5,239 người, số lao động nông nghiệp trung bình là 2,391 người, lao động làm thuê nông nghiệp - phi nông nghiệp trung bình 1,049 người, lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp trung bình 0,235 lao động, kinh nghiệm

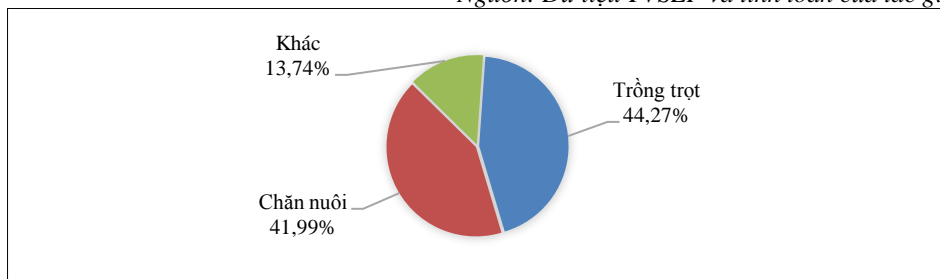
sản xuất nông nghiệp trung bình 34,713 năm, diện tích đất sản xuất nông nghiệp trung bình 1,852 ha. Quy mô vốn vay từ các tổ chức tín dụng chính thức trung bình 28,676 (triệu đồng/hộ/năm). Giá trị tài sản không bao gồm nhà ở và diện tích nhà ở có giá trị trung bình 86,078 triệu đồng/hộ. Tiếp cận Internet, tham gia tổ chức đoàn thể có giá trị trung bình lần lượt là 0,870; 0,636; 0,245; 0,806 và 0,579. Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật (Hệ số khả năng học hỏi hay bắt chước) trung bình 1,034. Các chỉ số đa dạng hóa càng lớn chứng tỏ nông hộ càng đa dạng hóa hoạt động tạo ra thu nhập cụ thể chỉ số HID4 trung bình 2,044, HID3 trung bình 1,446 và HID2 trung bình 1,515.

3.2.2. Cơ cấu các nguồn thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



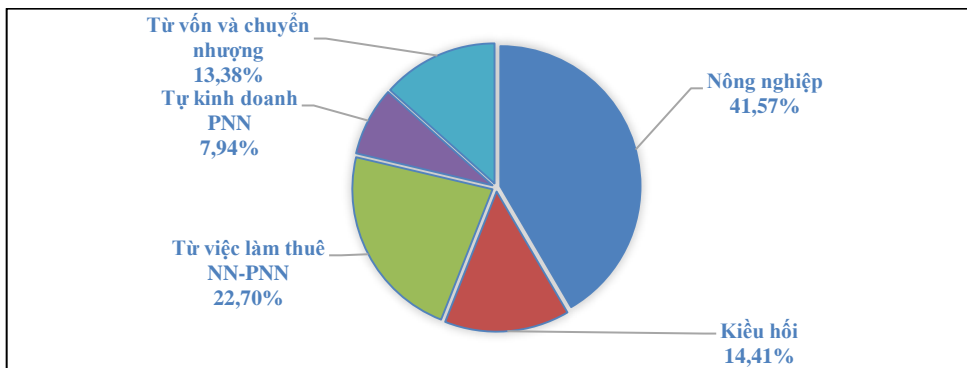
Biểu đồ 3.1. Cơ cấu nguồn thu nhập nông hộ theo theo chỉ số HID4

Nguồn: Dữ liệu TVSEP và tính toán của tác giả.



Biểu đồ 3.2. Cơ cấu nguồn thu nhập nông hộ theo theo chỉ số HID3

Nguồn: Dữ liệu TVSEP và tính toán của tác giả.



Biểu đồ 3.3. Cơ cấu nguồn thu nhập nông hộ theo theo chỉ số HID2

Nguồn: Dữ liệu TVSEP và tính toán của tác giả.

3.3. Mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

3.3.1. Kiểm định sự phụ thuộc chéo trong dữ liệu bảng

Bảng 3.6. Kết quả sự phụ thuộc trong dữ liệu bảng

Mô hình	PPUL	Pesaran (2007)	Frees (1995)
LOG_INCOME = f(HID4)	FEM	358,200***	91,564***
	REM	359,305***	91,806***
HID4 = f(LOG_INCOME)	FEM	50,223***	47,778***
	REM	51,034***	47,846***
LOG_INCOME = f(HID3)	FEM	358,685***	91,233***
	REM	360,508***	90,924***
HID3 = f(LOG_INCOME)	FEM	88,037***	44,814***
	REM	90,015***	44,171***
LOG_INCOME = f(HID2)	FEM	323,232***	87,802***
	REM	331,440***	89,277***
HID2 = f(LOG_INCOME)	FEM	24,800***	43,108***
	REM	26,837***	43,274***

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%;

PPUL: Phương pháp ước lượng;

Mô hình tác động cố định (Fixed Effects Model - FEM), mô hình tác động ngẫu nhiên (Random Effects Model - REM).

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

3.3.2. Kiểm tra tính dừng đối với các biến dữ liệu bảng

Bảng 3.7. Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị đối với các biến dữ liệu bảng

Biến	Giá trị ban đầu		Sai phân bậc nhất	
	Hệ số	Hệ số và xu thế	Hệ số	Hệ số và xu thế
LOG_INCOME	-2,032***	-1,643	-2,236***	-2,771***
HID4	-1,919***	-1,999	-2,511***	-3,346***
HID3	-1,820**	-1,898	-2,362***	-3,071***

HID2	-1,458	-2,240	-2,679***	-3,558***
------	--------	--------	-----------	-----------

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

3.2.3. Kết quả kiểm định đồng liên kết của dữ liệu bảng

Bảng 3.7. Kiểm định đồng liên kết Westerlund cho mô hình (1) và (2)

Biến: LOG_INCOME, HID4, HID3 và HID2 (với độ trễ = 1)

Biến	Gt	Ga	Pt	Pa
LOG_INCOME4	-3,594***	-2,326	-55,368***	-2,892
HID4	-3,995***	-2,837	-47,200***	-3,123
LOG_INCOME3	-3,943***	-2,528	-47,458***	-2,552
HID3	-5,226***	-2,993	-47,456***	-3,063
LOG_INCOME2	-3,648***	-2,381	-36,434	-2,434
HID2	-4,405***	-2,855	-52,191***	-3,439

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%;
 Gt, Ga là hai kiểm định thống kê nhóm của Westerlund (2007);
 Pt, Pa là hai kiểm định thống kê bảng của Westerlund (2007).

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

3.3.4. Kiểm định mối quan hệ nhân quả

Bảng 3.5. Kiểm định mối quan hệ nhân quả

Giả thuyết	Thống kê		Kết luận
	W-bar	Z-bar- tilde	
LOG_INCOME → HID4	3,9893***	17,5945***	LOG_INCOME ↔ HID4
HID4 → LOG_INCOME	4,9331***	24,0075***	
LOG_INCOME → HID3	3,3625***	13,3355***	LOG_INCOME ↔ HID3
HID3 → LOG_INCOME	5,1903***	25,7556***	
LOG_INCOME → HID2	-	-	HID2 → LOG_INCOME
HID2 → LOG_INCOME	4,7590***	22,8245***	

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%;
 ↔ Thể hiện mối quan hệ nhân quả Granger hai chiều;
 → Thể hiện mối quan hệ nhân quả Granger một chiều.

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

Mối quan hệ giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập nông hộ rất quan trọng trong việc tăng cường sự phát triển bền vững của kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Kết quả bảng 3.7 cho thấy, mối qua hệ hai chiều giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập (HID4 và HID3), mối quan hệ một chiều giữa HID2 với thu nhập. Như vậy, đa dạng thu nhập và thu nhập của nông hộ có mối quan hệ nhân quả hai chiều.

CHƯƠNG 4. YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP VÀ ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

4.1. Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

4.1.1. Ma trận tương quan yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

4.1.2. Kết quả hồi qui yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Kết quả ước lượng các mô hình OLS, FEM, REM được thể hiện qua các (Phụ lục 4.3, 4.6 và 4.7). Để chọn ra mô hình tối ưu, luận án đã tiến hành kiểm tra các mô hình theo quy trình ước lượng và lựa chọn mô hình tối ưu đã được đề cập. Đối với mô hình OLS đã thử nghiệm (VIF) không có hiện tượng đa cộng tuyến (Phụ lục 4.4), nhưng có hiện tượng phương sai thay đổi ở mức có ý nghĩa thống kê 5% (Prob < 5%) (Phụ lục 4.5). Tiếp tục chạy mô hình FEM và thực hiện lựa chọn mô hình OLS hay FEM, kết quả nghiên cứu cho giá trị p_value của “F test that all $u_i=0$ ” đều nhỏ hơn 1% nên mô hình FEM được lựa chọn (Phụ lục 4.6). Để lựa chọn mô hình FEM và REM, thực hiện kiểm định Hausman cho thấy rằng mô hình FEM tốt hơn mô hình REM (Phụ lục 4.8), đối với mô hình FEM sau khi kiểm định lại có hiện tượng phương sai thay đổi với mức ý nghĩa 5% (Prob < 5%) (Phụ lục 4.9). Để khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi, nghiên cứu sử dụng mô hình GLS. Do đó, kết quả ước lượng yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong nghiên cứu này được giải thích dựa trên mô hình cuối cùng GLS bảng 4.1.

Bảng 4.1. Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

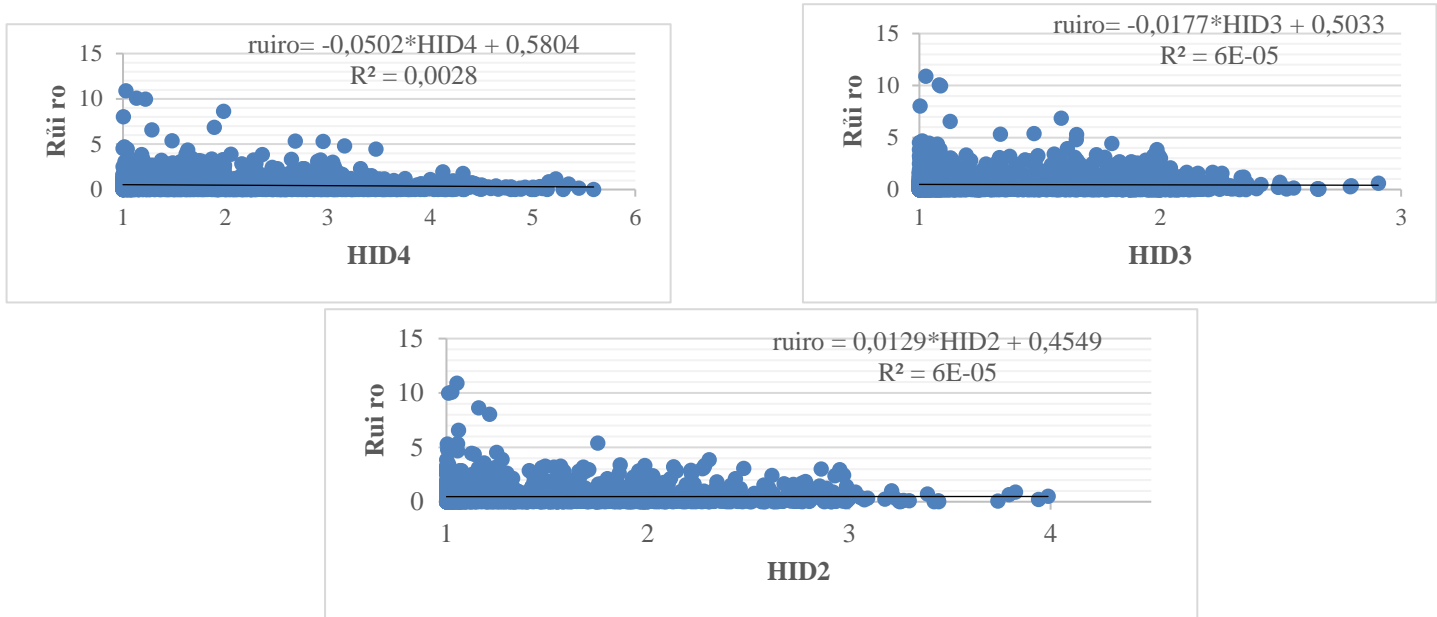
	OLS	FEM	REM	GLS
	Beta	Beta	Beta	Beta
Giới tính	0,012224***	-0,007121	0,009921*	0,009953***
Dân tộc	0,006071*	-0,037884	0,005902	0,006765***
Tôn giáo	-0,009305***	-0,007313	-0,008672***	-0,008987***
Trình độ học vấn chủ hộ	0,007088***	0,018202***	0,008596***	0,007602***
Quy mô nông hộ	0,009625**	0,000786	0,003471	0,009269***
Lao động nông nghiệp	0,000027	0,006262***	0,002256	-0,000036
Lao động làm thuê NN - PNN	0,000892	0,000503	0,000505	0,000860
Lao động tự kinh doanh PNN	0,011716***	0,012098***	0,011714***	0,008184***
Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	0,015079***	0,089922***	0,026220***	0,016833***
Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	0,026914***	0,033884***	0,030541***	0,031567***
Quy mô vốn vay	0,004825*	0,005085	0,004675*	0,004959**
Giá trị tài sản	0,028294***	0,022006***	0,026558***	0,027280***
Tiếp cận công nghệ	0,031780***	0,022524***	0,030998***	0,029963***
Tổ chức đoàn thể	0,002950	0,002376	0,002818	0,003820*
Khả năng học hỏi	0,039894***	0,045010***	0,041729***	0,041805***
HID4	0,003899*	0,003316	0,003219	0,004852***
HID3	-0,021172***	-0,024072***	-0,023782***	-0,022473***
HID2	0,009151***	0,021672***	0,016035***	0,015426***
Tung độ gốc	0,686417***	0,500278***	0,662224***	0,680699***
Số quan sát	1.810	1.810	1.810	1.810
R-squared (R ²)	0,472	0,411	0,3796	
Kiểm định phương sai thay đổi của mô hình OLS: Chi2(184) = 263,37; Prob > chi2 = 0,0001				
Kiểm định F test: F test that all $u_i = 0$; Prob > F = 0,0000				
Kiểm định Hausman: Chi2(18) = (b-B)[(V_b-V_B)^(-1)](b-B) = 967,67; Prob>chi2 = 0,0000				
Kiểm định phương sai thay đổi của mô hình FEM: Chi2 (362) = 1,2e+05; Prob>chi2 = 0,0000				

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

4.2. Đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

4.2.1. Mối quan hệ các chỉ số đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



Đồ thị 4.1. Mối quan hệ đa dạng hóa thu nhập với rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

4.2.2. Kết quả hồi qui đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Bảng 4.2. Kết quả hồi qui đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Các biến quan sát	Rủi ro thu nhập của nông hộ (ruiro)
	Hệ số Beta
Chỉ số đa dạng hóa HID4	-0,0436*
Chỉ số đa dạng hóa HID3	0,0570
Chỉ số đa dạng hóa HID2	-0,0558**
Hằng số	0,4416***
Quan sát	1.810
Hệ số xác định R ² (R-squared)	0,004
Hệ số hiệu chỉnh R (Adj R-squared)	0,003
Mức ý nghĩa của kiểm định F (Prob > chi2)	0,0053
Thống kê đa cộng tuyến (VIF)	1,72

(*), (**), và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

Kết quả hồi quy bảng 4.2 cho thấy, đối với rủi ro thu nhập với mức ý nghĩa thống kê 1% và 5% các chỉ số đa dạng hóa thu nhập (HID4 và HID3) có tương quan và ý nghĩa thống kê với rủi ro thu nhập của nông hộ. Kết quả của nghiên cứu này đã cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về đa dạng hóa thu nhập làm tăng/giảm rủi ro thu nhập của nông hộ, đây cũng chính là lý do nông hộ đa dạng hóa nguồn thu để ứng phó với rủi ro thu nhập. Chính vì vậy lựa chọn chiến lược đa dạng hóa sinh kế trong ngắn hạn hay dài hạn như thế nào để giảm thiểu rủi ro thu nhập cũng là một vấn đề lớn mà các nông hộ cần quan tâm, vì nó không chỉ giảm thiểu rủi ro mà vẫn làm tăng thu nhập của nông hộ.

4.3. Yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Bảng 4.3. Một số đặc điểm về chỉ số đa dạng hóa và thu nhập nông nghiệp của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Tên biến	Loại biến/Đơn vị tính	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
SID4	Liên tục	0,412	0,240	0	0,821
SID3	Liên tục	0,257	0,191	0	0,656
SID2	Liên tục	0,268	0,215	0	0,749
Tổng thu nhập nông nghiệp	Triệu đồng/hộ/năm	113,031	134,696	10,080	2.651,87

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

Bảng 4.4 trình bày kết quả hồi qui yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với mô hình Tobit với các mức ý nghĩa thống kê cho phép 10%, 5% và 1%, cụ thể như sau: *Nhóm vốn con người, Nhóm vốn tài chính, Nhóm vốn tự nhiên, Nhóm vốn vật chất, Nhóm vốn xã hội.*

Bảng 4.4. Kết quả hồi qui yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Tên biến	SID4	SID3	SID2
	Hệ số Beta	Hệ số Beta	Hệ số Beta
Giới tính	0,0097	0,0155	-0,0017
Dân tộc	-0,0250*	-0,0354***	-0,0229*
Tôn giáo	-0,0018	0,0149	0,0205
Trình độ học vấn chủ hộ	0,0026	0,0057	0,0177*
Quy mô nông hộ	-0,0310	-0,0088	0,0184
Lao động nông nghiệp	0,0117**	0,00329	-0,0314***
Lao động làm thuê NN - PNN	0,0172***	0,0232***	0,0758***
Lao động tự kinh doanh PNN	0,0499***	0,0468***	0,1526***
Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	-0,0053	0,0205	0,1092***
Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	-0,0452***	-0,0658***	-0,0479***
Quy mô vốn vay	1,7235	1,4389*	1,2192
Giá trị tài sản	-69,5999***	-60,789***	-2,9893
Tiếp cận công nghệ	-0,0454***	-0,0333*	0,0162
Tổ chức đoàn thể	0,0424***	0,0268*	0,0310**
Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật	-0,0348**	-0,0507***	0,0053
Tổng thu nhập nông nghiệp	0,0529***	0,0480***	---
Tung độ gốc	0,2202**	-0,029	0,2010*
Số quan sát	1.095	1.095	1.277
Pseudo R2	-2,3246	-0,7513	1,0580
Log likelihood	244,53305	564,42335	12,176554
LR chi2(16)	341,96	484,28	---
LR chi2(15)	---	---	445,10
Prob > chi2	0,0000	0,0000	0,0000
Kiểm tra đa cộng tuyến (Mean VIF)	1,21	1,21	1,20

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Dữ liệu TVSEP và tính toán của tác giả.

Tóm lại, để thúc đẩy nông hộ đến hoạt động phi nông nghiệp cần phải chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục cho lực lượng lao động, không ngừng học hỏi để tiếp cận được với lĩnh vực công nghệ thông tin vốn đây là thế yếu của nông hộ. Việc tham gia và sinh hoạt cùng với các các tổ chức (Hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh) cũng giúp nông hộ đa dạng hóa hoạt động phi nông nghiệp của hộ. Mặt khác, các nông hộ hướng đến hoạt động phi nông nghiệp là một cấu phần quan trọng của đời sống nông thôn Việt Nam nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Điều này đặc biệt đúng trong bối cảnh quá trình chuyển dịch cấu trúc đang diễn ra và sự dịch chuyển lao động và các nguồn lực khỏi lĩnh vực nông nghiệp. Trong khi đóng góp từ hoạt động phi nông nghiệp của nông hộ tới thu nhập của các hộ ở nông thôn Việt Nam nói chung và nông hộ Đắk Lắk nói riêng vẫn còn tương đối nhỏ và nhiều hạn chế.

CHƯƠNG 5. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH NHẪM CẢI THIỆN THU NHẬP THÔNG QUA CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

5.1. Cơ sở đề xuất các khuyến nghị chính sách

5.1.1. Căn cứ vào các mục tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Đắk Lắk

5.1.2. Định hướng phát triển ngành nông, lâm, thủy sản và ngành nghề nông thôn

5.2. Một số khuyến nghị về chính sách

5.2.1. Đa dạng hóa thu nhập (nội ngành, phi nông nghiệp)

5.2.2. Giáo dục

5.2.3. Khuyến nông

5.2.4. Tín dụng

5.2.5. Đất đai

5.2.6. Công nghệ

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Luận án đã làm rõ được cơ sở lý luận về thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, những yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Qua nghiên cứu tổng quan tài liệu trong, ngoài nước và kinh nghiệm của một số quốc gia nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, luận án đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm cho tỉnh Đắk Lắk nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ.

- Luận án tìm thấy mối quan hệ hai chiều giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập được tồn tại, mối quan hệ nhân quả được phân tích giữa các biến bằng cách sử dụng kiểm định nhân quả được phát triển bởi Lopez & Weber (2017), với bộ số liệu bảng của tổ chức TVSEP.

- Luận án xây dựng được quy trình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thông qua bộ dữ liệu bảng TVSEP. Kết quả nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn được xác định thông qua mô hình cuối cùng GLS, nghiên cứu cho thấy những yếu tố ảnh hưởng làm tăng/giảm thu nhập của nông hộ.

- Kết quả nghiên cứu còn cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm khi nông hộ đa dạng hóa nguồn thu trong nội ngành cấp 4 (HID4) gồm trồng trọt hoặc chăn nuôi và chỉ số đa dạng hóa thu nhập liên ngành cấp 2 (HID2) theo hướng phi nông nghiệp giúp nông hộ giảm thiểu được rủi ro thu nhập (0,0436%) và (0,0558%), đây là cơ sở để các nông hộ cần nghiên cứu và lựa chọn chiến lược đa dạng hóa nguồn thu của nông hộ để giảm thiểu rủi ro mà vẫn đảm bảo và nâng cao được nguồn thu nhập và cải thiện mức sống.

- Luận án cho thấy yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược lựa chọn đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được xác định, thông qua các phương pháp phân tích định lượng và sử dụng mô hình Tobit để phân tích.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Nhà nước

2.2. Đối với tỉnh Đắk Lắk, các bộ ngành

Hạn chế nghiên cứu và định hướng nghiên cứu tiếp theo:

Hạn chế nghiên cứu: Tính thời điểm tác giả thực hiện nghiên cứu luận án, bộ số liệu

bảng của tổ chức TVSEP mới có từ giai đoạn từ năm 2007-2017. Do đó, có một số yếu tố chưa thể hiện năng lực nông hộ, tài sản công mà hộ được thụ hưởng, tính thời vụ, các thể chế, chính sách,...

Hướng nghiên cứu tiếp theo: Tiếp tục sử dụng dữ liệu bảng có thời gian dài để chứng minh thêm về mối quan hệ nhân quả cho 2 chỉ tiêu thu nhập và đa dạng hóa thu nhập để bổ sung cho nghiên cứu thực nghiệm và đóng góp vào cơ sở lý thuyết; Tiếp tục cập nhật dữ liệu bảng gần thời gian nghiên cứu nhất về các loại hình đa dạng hóa thu nhập, tìm ra mô hình đa dạng hóa thu nhập phù hợp nhất đối với địa bàn sẽ nghiên cứu, giúp giảm thiểu rủi ro thu nhập của nông hộ đối với các địa bàn có điều kiện Kinh tế - Xã hội tương đồng, góp phần bổ sung thêm các bằng chứng thực nghiệm đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng đến rủi ro thu nhập của nông hộ.